

## PHỤ LỤC I

### BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Kèm theo Công văn số /PGDDĐT-HCTC ngày tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyên đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm)				Điều kiện bắt buộc (Kế hoạch, văn bản minh chứng)
	<b>Triển khai ứng dụng<sup>1</sup> quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b> Nếu có, cung cấp thông tin (tên phần mềm, tự xây dựng/ mua/ thuê/ miễn phí) và có triển khai các nội dung sau:				
	- Quản lý thông tin trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)		05 điểm		
	- Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)		05 điểm		
	- Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)		05 điểm		
	- Quản lý thông tin y tế trường học. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)		05 điểm		

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
2.	- Quản lý thông tin phổ cập giáo dục. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)	60	05 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-45 điểm Mức độ 3: trên 45 điểm	Đường link/Thuyết minh/Văn bản/Minh chứng khác <sup>2</sup>
	- Quản lý thông tin tài sản, tài chính. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)		03 điểm		
	- Quản lý văn bản điện tử. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)		03 điểm		
	- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ. (Cách đánh giá: Có triển khai, có thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng yêu cầu theo quy định, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		
	- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ. (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		
	- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường. (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần, tháng, quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 2,5 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		2,5 điểm		
	- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý) <i>(Cách đánh giá: Kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, tối đa 5,5 điểm; thiếu kết nối cho một nội dung triển khai, trừ 0,5 điểm; không có kết nối: 0 điểm)</i>		5,5 điểm		
	- Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ				
3.	<b>Triển khai dịch vụ trực tuyến:</b> - Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 4 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>	12	04 điểm	Mức độ 1: dưới 04 điểm Mức độ 2: từ 04-08 điểm Mức độ 3: trên 08 điểm	Đường link/Quy chế/Văn bản/Minh chứng khác <sup>2</sup>
	- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		04 điểm		
	- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		04 điểm		

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
4.	<b>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:</b> - Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ &gt;80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)</i>	20	10 điểm	Mức độ 1: dưới 05 điểm Mức độ 2: từ 05-15 điểm Mức độ 3: trên 15 điểm	Văn bản/Kế hoạch. Tỷ lệ % được tính trên tổng số giáo viên của cơ sở giáo dục/Minh chứng khác <sup>2</sup>
	- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số. <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ &gt;80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)</i>		10 điểm		
5.	<b>Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b> - Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet). <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ &gt;50%: 04 điểm; tỷ lệ từ trên 30%-50%: 03 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-30%: 02 điểm; tỷ lệ từ trên 05%-10%: 01 điểm; tỷ lệ &lt;05%: 0 điểm)</i>	08	04 điểm	Mức độ 1: dưới 03 điểm Mức độ 2: từ 03-06 điểm Mức độ 3: trên 06 điểm	Tỷ lệ % được tính trên tổng số phòng học
	- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non. <i>(Cách đánh giá: Có máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn: tối đa 04 điểm; có máy tính phục vụ công tác văn phòng: 02 điểm; không có máy: 0 điểm)</i>		04 điểm		Văn bản/ Minh chứng khác <sup>2</sup>
	<b>Tổng điểm tối đa</b>	100			

<sup>1</sup> Gọi chung cho phần mềm, giải pháp hoặc hệ thống CNTT

<sup>2</sup> Minh chứng khác do cơ quan quản lý giáo dục quy định thêm phù hợp với